

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-01-2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

-Thành P Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh

Ông Lê Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nhân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị P, sinh năm: 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn Đ, huyện BĐ, tỉnh BT.

- Bị đơn: Lê Văn C (Cường), sinh năm: 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn Đ, huyện BĐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 26/02/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày:

Bà và ông Lê Văn C chung sống với nhau năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, ông C nhiều lần đánh đập bà. Bà và ông C ly thân từ năm 2017 đến nay không có hàn gắn lại tình cảm. Quá trình chung sống bà và ông C có với nhau 01 con chung Lê Văn Dũng T, sinh ngày: 04/8/1990 đã thành niên. Tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Nợ chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre, phòng giao dịch huyện Bình Đại số tiền vay 7.000.000 đồng. Số tiền nợ này ông C đã trả xong nên hiện nay bà và ông C không có nợ chung. Bà đồng ý hoàn trả lại cho ông C $\frac{1}{2}$ số tiền nợ này là 3.500.000 đồng nhưng số tiền này để giữa bà và ông C tự thỏa thuận giải quyết sau vì hiện nay bà gặp khó khăn về kinh tế, không có khả năng trả cho ông C ngay.

Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với ông Lê Văn C.
- Về con chung: Đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Không có. Riêng số tiền nợ chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre, phòng giao dịch huyện Bình Đại số tiền vay 7.000.000 đồng, ông C đã hoàn trả xong. Bà đồng ý hoàn trả lại cho ông C $\frac{1}{2}$ số tiền nợ này là 3.500.000 đồng nhưng số tiền này để giữa bà và ông C tự thỏa thuận giải quyết sau vì hiện nay bà gặp khó khăn về kinh tế, không có khả năng trả cho ông C ngay.

*Tại tờ tường thuật đề ngày 15/11/2018, biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn C trình bày:

Ông và bà Lê Thị P chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà P có quan hệ tình cảm với người đàn ông

khác, vợ chồng thường xuyên cự cãi, ông thừa nhận có đánh bà P. Ông và bà P ly thân từ năm 2014 đến nay không có hàn gắn lại tình cảm. Bà P yêu cầu được ly hôn với ông, ông đồng ý. Quá trình chung sống ông và bà P có với nhau 01 con chung Lê Văn Dũng T, sinh ngày: 04/8/1990 đã thành niên nên không có yêu cầu giải quyết. Tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có nợ chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre, phòng giao dịch huyện Bình Đại số tiền vay 7.000.000 đồng. Số tiền này ông đã tự hoàn trả xong không còn nợ và vợ chồng không còn nợ chung. Bà P phải hoàn trả lại cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền nợ này là 3.500.000 đồng nhưng hiện nay bà P có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên số tiền này giữa ông và bà P tự thỏa thuận giải quyết, ông không yêu cầu bà P hoàn trả cho ông trong vụ án này.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 14, 34, 53, 57, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử: Không công nhận bà Lê Thị P và ông Lê Văn C là vợ chồng. Con chung đã thành niên không xem xét giải quyết. Tài sản chung: Bà P và ông C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết để tự thỏa thuận nên không xét xét giải quyết. Nợ chung: Không có vì số tiền nợ chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre, phòng giao dịch huyện Bình Đại số tiền vay 7.000.000 đồng ông C đã hoàn trả xong. Ông C yêu cầu bà P phải hoàn trả lại cho

ông ½ số tiền nợ này là 3.500.000 đồng nhưng hiện nay bà P có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên số tiền này giữa ông và bà P tự thỏa thuận giải quyết, ông không yêu cầu bà P hoàn trả cho ông trong vụ án này nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Văn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 01/12/2018. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông C là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị P và ông Lê Văn C khai thống nhất ông bà chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Lời khai này phù hợp với nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Đại và Ủy ban nhân dân xã Vang Quới Tây ngày 26/02/2018 (Bút lục số 16, 17). Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà P và ông C chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988 (Sau năm 1987) mà không có đăng ký kết hôn. Bà P và ông C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật lẽ ra ông bà phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông bà không thực hiện. Cho nên, căn cứ vào Điều 53, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa bà P và ông C là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông C.

[3] Về con chung:

Bà Lê Thị P và ông Lê Văn C đều khai thống nhất, ông bà chung sống có với nhau 01 con chung Lê Văn Dũng T, sinh ngày: 04/8/1990. Hiện nay con chung của ông bà đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về tài sản chung: Bà Lê Thị P và ông Lê Văn C đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết để tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Nợ chung: Bà Lê Thị P và ông Lê Văn C đều khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Riêng số tiền nợ vay chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre, phòng giao dịch huyện Bình Đại là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), ông C đã hoàn trả xong. Ông C không yêu cầu bà P phải hoàn trả lại ông $\frac{1}{2}$ số tiền nợ này là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) trong cùng vụ án, đề 2 bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Lê Thị P phải chịu án phí theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, 53, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị P và ông Lê Văn C (Cường).

2. Về con chung: Đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét đến.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị P và ông Lê Văn C đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết để tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Nợ chung: Bà Lê Thị P và ông Lê Văn C đều khai thống nhất không có nên nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Riêng số tiền nợ vay chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre, phòng giao dịch huyện Bình Đại là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), ông C đã hoàn trả xong. Ông C không yêu cầu bà P phải hoàn trả lại ông $\frac{1}{2}$ số tiền nợ này là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) trong cùng vụ án, đề 2 bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0019370 ngày 15/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, bà P đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn bà Lê Thị P có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương

